

## BÁO CÁO CÔNG KHAI THƯỜNG NIÊN

Năm: 2026

### I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học Cẩm Thượng

2. Địa chỉ: Số 4 - Phạm Bội Châu - Phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng.

- Điện thoại: 0220.3859340;

- Email: thcamthuong.thanhdong@haiphong.edu.vn

- Website: <https://thcamthuong.tmt.edu.vn>

3. Loại hình: Trường Tiểu học công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND phường Thành Đông

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu.

Sứ mệnh: Tạo dựng môi trường thân thiện, hợp tác, chia sẻ cùng tiến bộ, năng động, sáng tạo, có trách nhiệm và có chất lượng.

Tầm nhìn: Có uy tín giáo dục đối với cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội, học sinh được phát triển trong môi trường thân thiện, hiện đại.

Hệ thống giá trị cơ bản: Đoàn kết, nhân ái, trung thực; Kỷ cương, nề nếp, văn minh; Sáng tạo, chủ động, thích ứng; Hội nhập, khát vọng vươn lên.

Mục tiêu chung: Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

- Lịch sử hình thành:

Trường Tiểu học Cẩm Thượng được tách từ trường Phổ thông cơ sở Cẩm Thượng - phường Cẩm Thượng từ 01/9/1993. Trải qua hơn ba mươi năm xây dựng và phát triển, quy mô trường lớp ngày càng phát triển. Bằng sự nỗ lực, không ngại khó, ngại khổ, tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường đã vượt qua mọi khó khăn, xây dựng nhà trường thành một khối đoàn kết nội bộ, sáng tạo trong mọi hoạt động, hoàn thành tốt nhiệm vụ từng năm học. Nhà trường đã tạo được uy tín, niềm tin với các cấp uỷ Đảng, chính quyền và nhân dân địa phương. Bộ mặt nhà trường như được thay da đổi thịt, cơ sở vật chất ngày càng được củng cố và tăng cường theo tiêu chuẩn trường chuẩn Quốc gia.

Nhiều năm liên tục, trường đạt danh hiệu Tập thể lao động Tiên tiến. Nhà trường được UBND tỉnh Hải Dương công nhận trường đạt Chuẩn Quốc gia mức độ I vào năm 2002; chuẩn quốc gia mức độ II vào năm 2010, 2015, 2020 và 2025. Trường được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 vào năm 2015,

2020, 2025. Từ đó đến nay, Đảng bộ, chính quyền, nhân dân địa phương và nhà trường không ngừng phấn đấu, tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện theo tiêu chuẩn của trường chuẩn Quốc gia. Thư viện trường đạt thư viện chuẩn mức độ 2.

- Trường Tiểu học Cẩm Thượng là trường công lập thuộc UBND phường Thành Đông, trường được đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, đảm bảo kinh phí cho các nhiệm vụ chi thường xuyên, là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng; thực hiện chương trình GD tiểu học do Bộ GD&ĐT ban hành trên địa bàn.

- Xây dựng phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ GD&ĐT và nhiệm vụ giáo dục phát triển của địa phương. Thực hiện kiểm định chất lượng GD và thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

## **6. Thông tin người đại diện pháp luật**

Người đại diện pháp luật: Hàn Thị Ngọc Mỹ; Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Số 4, phố Phan Bội Châu, phường Thành Đông, thành phố Hải Phòng.

- Điện thoại cố định: 0220.3859340; Điện thoại di động: 0911888125

- Email: thcamthuong.thanhdong@haiphong.edu.vn

## **7. Tổ chức bộ máy**

### **7.1. Quyết định thành lập trường**

Trường Tiểu học Cẩm Thượng - phường Cẩm Thượng - TP Hải Dương được đổi tên thành Trường Tiểu học Cẩm Thượng - phường Thành Đông - TP Hải Phòng theo Quyết định số: 58/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của UBND phường Thành Đông.

### **7.2. Quyết định bổ nhiệm lại hiệu trưởng, phó hiệu trưởng CSGD:**

Quyết định Số 472/QĐ-UBND ngày 09/9/2025 của UBND phường Thành Đông về việc bổ nhiệm lại viên chức giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Tiểu học Cẩm Thượng.

Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 04/9/2025 của UBND phường Thành Đông về việc bổ nhiệm lại viên chức giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Tiểu học Cẩm Thượng.

### **7.3. Quy chế tổ chức và hoạt động**

#### **- Cơ chế hoạt động của Trường Tiểu học Cẩm Thượng**

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối

với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

Trường Tiểu học Cẩm Thượng làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ thủ trưởng và chịu trách nhiệm cá nhân. Mọi hoạt động của nhà trường phải tuân thủ các quy định của pháp luật, sự lãnh đạo của UBND phường Thành Đông, các văn bản hướng dẫn ngành giáo dục & đào tạo, Quy chế làm việc của trường và các văn bản quản lý của trường.

Hiệu trưởng lãnh đạo toàn diện các hoạt động của nhà trường, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình; chịu trách nhiệm cá nhân trước UBND phường Thành Đông và trước pháp luật theo quy định chức năng, nhiệm vụ của nhà trường, kể cả khi phân công hoặc ủy quyền cho các Phó hiệu trưởng hoặc cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường.

Trong phân công công việc, mỗi việc chỉ giao một bộ phận hoặc một cá nhân chịu trách nhiệm giải quyết và phải chịu trách nhiệm chính về công việc được giao. Phó hiệu trưởng giúp việc cho Hiệu trưởng được Hiệu trưởng phân công một số nhiệm vụ cụ thể, có trách nhiệm quản lý, điều phối giải quyết các công việc theo sự phân công và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng, trước pháp luật về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao. Trong trường hợp người Hiệu trưởng phân công hoặc ủy quyền cho cấp dưới thì người được giao công việc phải chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng và trước pháp luật; Cán bộ, viên chức, giáo viên, nhân viên thuộc trường phải xử lý và giải quyết công việc đúng trình tự, thủ tục, phạm vi trách nhiệm, thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Đề cao trách nhiệm trong phối hợp công tác, trao đổi thông tin giải quyết công việc và trong mọi hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định.

Trình tự, thủ tục và thời hạn giải quyết công việc phải bảo đảm tuân thủ theo đúng Quy chế làm việc của nhà trường.

#### **- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn**

Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức

giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường tiểu học.

Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định. Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật.

Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục ở địa phương.

Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

**- Sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy:**

- + Lãnh đạo nhà trường: 01 Hiệu trưởng và 01 phó Hiệu trưởng.
- + Hội đồng thi đua khen thưởng: 01 Hội đồng.
- + Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).
- + Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 29 đảng viên.
- + Tổ chức Đoàn đội.
- + Ban đại diện CMHS.
- + Các tổ chuyên môn: 03 tổ chuyên môn.

#### 7.4. Họ và tên, chức vụ, điện thoại của lãnh đạo nhà trường

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại
1	Hàn Thị Ngọc Mỹ	Hiệu trưởng	0911888125
2	Bùi Thị Liên	Phó Hiệu trưởng	0904695116

Địa chỉ nơi làm việc: Số 4, phố Phan Bội Châu, phường Thành Đông, TP Hải Phòng.

#### 8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác.

#### II. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

##### 1. Đội ngũ

###### \* Cán bộ quản lý

Tổng số	Trình độ đào tạo			Trình độ chính trị		
	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp
2	1	1	0	0	2	0

###### \* Giáo viên

Tổng số	Trình độ đào tạo				Loại hình						Biên chế	Hợp đồng	Thỉnh giảng
	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Văn hóa	ÂN	MT	GD TC	NN	Tin học			
31	1	31	1	0	23	1	1	2	3	1	29	2	0

###### \* Nhân viên

Tổng số	Trình độ đào tạo				Loại hình			Biên chế	Hợp đồng
	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Kế toán	Y tế	TV-TB		
3	0	2	1		1	1	1	3	0

##### 2. Kết quả xếp loại chuẩn nghề nghiệp.

- Hiệu trưởng: Đang đề nghị SGD&ĐT đánh giá: Xếp loại Tốt
- Phó Hiệu trưởng: Xếp loại Tốt
- Giáo viên: 30 (Bao gồm 01 GVHD), trong đó Tốt: 22/30 = 73,3%; Khá 8/30 = 26,7%; TB: 0.

##### 3. Kết quả bồi dưỡng thường xuyên

- 36/36 CB, GV, NV hoàn thành nội dung bồi dưỡng thường xuyên

#### III. Cơ sở vật chất:

##### 1. Diện tích: Tổng diện tích 4457m<sup>2</sup>

##### 2. Khối phòng học

###### 2.1. Khối phòng hành chính quản trị

Tên phòng	Tổng số (hiện có)	Trong đó				Tổng diện tích	Còn thiếu
		Kiên cố	Cấp 4	Nhờ	Tạm		
Phòng Hiệu trưởng	1	1				32	
Phòng Phó hiệu trưởng	1	1				15	
Văn phòng	1	1				54	
Phòng Bảo vệ	1	1				24	
Khu vệ sinh của CB, GV, NV	1				1	10	
Khu để xe của CB, GV, NV	1		1			150	

### 2.2. Khối phòng học tập

Tên phòng	Tổng số (hiện có)	Trong đó				Tổng diện tích	Còn thiếu
		Kiên cố	Cấp 4	Nhờ	Tạm		
Phòng học	22	22				1.188	
Phòng học bộ môn Âm nhạc	1	1				32 m <sup>2</sup>	
Phòng học bộ môn Mỹ thuật						0	
Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	0	0				0	
Phòng học bộ môn Tin học	1	1				54 m <sup>2</sup>	
Phòng học bộ môn KH-CN						0	
Phòng đa chức năng	1	1				54m <sup>2</sup>	

### 2.3. Khối phòng hỗ trợ học tập

Tên phòng	Tổng số (Hiện có)	Trong đó				Tổng diện tích	Còn thiếu
		Kiên cố	Cấp 4	Nhờ	Tạm		
Phòng thư viện	1	1				156m <sup>2</sup>	
Phòng thiết bị	1	1				54 m <sup>2</sup>	
Phòng tư vấn học đường	1	1				24m <sup>2</sup>	
Phòng truyền thống	1					24 m <sup>2</sup>	
Phòng hoạt động Đội	1					24 m <sup>2</sup>	

### 2.4. Khối phụ trợ

Tên phòng	Tổng số (Hiện có)	Trong đó				Tổng diện tích	Còn thiếu
		Kiên cố	Cấp 4	Nhờ	Tạm		
Phòng họp	1	1				0	
Phòng y tế trường học	1	1				24	
Nhà kho	1	1			10		
Khu để xe của học sinh	0					0	
Khu vệ sinh của học sinh	4					60	
Cổng, tường bao, hàng rào.						200	

### 2.5. Khu sân chơi, thể dục thể thao

Tên	Diện tích	Đánh giá chất lượng sử dụng	Còn thiếu
Sân chơi	1.600	Sân cỏ tôn cao, lát lại nền, sửa hệ thống thoát nước	
Sân thể dục thể thao			x

### 2.6. Khối phục vụ sinh hoạt

Tên phòng	Tổng số (Hiện có)	Trong đó				Tổng diện tích	Dự kiến thời điểm tổ chức bán trú
		Kiên cố	Cấp 4	Nhờ	Tạm		
Nhà bếp	1	1				36	Tháng 9/2026
Kho bếp	1	1				10	Tháng 9/2026
Nhà ăn	0	0				0	Ăn tại lớp học

### 3. Hạ tầng kỹ thuật

- Hệ thống nước sạch: Các khu của nhà trường đều có hệ thống nước sạch đảm bảo tốt cho sử dụng, đảm bảo vệ sinh, môi trường xanh, sạch, đẹp, có hệ thống nước sạch, khu nhà vệ sinh, các trang thiết bị cơ sở vật chất ... đảm bảo tốt cho năm học mới

- Hệ thống cấp điện: Các khu nhà trường đều có hệ thống cấp điện, tuy nhiên khi vào những tháng đầu năm học (Tháng 9; 10) và cuối năm học (tháng 4;5) thì chưa đảm bảo công suất cho việc sử dụng điều hòa.

- Hệ thống phòng cháy: Các khu nhà trường đều xây dựng các phương án phòng cháy, chữa cháy, có các thiết bị cần thiết cho việc phòng cháy, chữa cháy.

- Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc (*điện thoại, kết nối Internet, ...*): Các khu lớp học của nhà trường đều có hệ thống wifi phục vụ tốt cho việc kết nối Internet tạo điều kiện tốt cho học giảng dạy, học tập và làm việc của cán bộ giáo viên, học sinh, có hệ thống camera an ninh nội bộ nhà trường.

- Khu thu gom rác thải: Nhà trường có hệ thống các thùng chứa rác thải, đã hợp đồng với công nhân vệ sinh môi trường thu gom rác thải theo đúng quy định, đảm bảo môi trường luôn sạch.

### 4. Thiết bị dạy học hiện có

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân	Ghi chú
I	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp	
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	22	1 bộ/lớp	

1.1	Khối lớp 1	4	1 bộ/lớp	CTGDPT 2018
1.2	Khối lớp 2	5	1 bộ/lớp	Chương trình cũ
1.3	Khối lớp 3	5	1 bộ/lớp	Chương trình cũ
1.4	Khối lớp 4	4	1 bộ/lớp	Chương trình cũ
1.5	Khối lớp 5	4	1 bộ/lớp	Chương trình cũ
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	18		
2.1	Khối lớp 1	0		
2.2	Khối lớp 2	4	1 bộ/lớp	CTGDPT 2018
2.3	Khối lớp 3	5	1 bộ/lớp	CTGDPT 2018
2.4	Khối lớp 4	4	1 bộ/lớp	CTGDPT 2018
2.5	Khối lớp 5	5	1 bộ/lớp	CTGDPT 2018
<b>VIII</b>	<b>Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)</b>	30		
<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị dùng chung khác</b>			
1	Ti vi	22		
2	Đầu Video/đầu đĩa	1		
3	Máy chiếu OverHead/projector	5		
4	Camera vật thể	2		
5	Nhạc cụ (Đàn Organ)	17		

\* Danh mục sách giáo khoa được phê duyệt năm học 2026 - 2027:

- Sách giáo khoa lớp 1

TT	Tên sách	Tên tác giả (Ghi tắt cả tên tác giả của bộ sách)	Bộ sách	Ghi chú
1	Toán 1 - tập 1	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Bùi Bá Mạnh	Kết nối tri thức với cuộc sống	
2	Toán 1- tập 2	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Bùi Bá Mạnh	Kết nối tri thức với cuộc sống	
3	Tiếng Việt 1 - tập 1	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Ngân Hoa, Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan	Kết nối tri thức với cuộc sống	
4	Tiếng Việt 1 - tập 2	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Vũ Kim Bảng, Trịnh Cẩm Lan, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hào Tâm	Kết nối tri thức với cuộc sống	
5	Tự nhiên và Xã hội 1	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thấn (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà	Kết nối tri thức với	

		Lan, Hoàng Quý Tĩnh	cuộc sống	
6	Giáo dục Thê chất 1	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Lê Anh Thơ (Chủ biên), Vũ Thị Thu, Vũ Thị Hồng Thu, Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Phạm Mai Vương	Kết nối tri thức với cuộc sống	
7	Đạo đức 1	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Lê Thị Tuyết Mai, Lục Thị Nga	Kết nối tri thức với cuộc sống	
8	Mĩ thuật 1	Đình Gia Lê (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biền (Chủ biên), Phạm Duy Anh	Kết nối tri thức với cuộc sống	
9	Hoạt động trải nghiệm 1	Bùi Sỹ Tụng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), Trần Thị Thu, Vũ Thị Lan Anh, Lê Thị Luận	Kết nối tri thức với cuộc sống	
10	Âm nhạc 1	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân	Kết nối tri thức với cuộc sống	
11	Tiếng Anh 1 - SHS	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên); Trần Hương Quỳnh (Chủ biên); Phan Hà- Đỗ Thị Ngọc Hiền- Đào Ngọc Lộc- Nguyễn Minh Tuấn- Nguyễn Quốc Tuấn	Global Success	

**- Sách giáo khoa lớp 2**

TT	Tên sách	Tên tác giả (Ghi tắt cả tên tác giả của bộ sách)	Bộ sách	Ghi chú
1	Tiếng Việt 2- tập một	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Mạnh Hùng - Trần Thị Hiền Lương (đồng Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hào Tâm.	Kết nối tri thức với cuộc sống	
2	Tiếng Việt 2 - tập hai	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Mạnh Hùng - Trần Thị Hiền Lương (đồng Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hào Tâm.	Kết nối tri thức với cuộc sống	

3	Toán 2 - tập một	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	
4	Toán 2 - tập hai	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	
5	Tự nhiên và xã hội 2	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thân (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Phạm Việt Quỳnh, Hoàng Quý Tinh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	
6	Đạo đức 2	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Lê Thị Tuyết Mai.	Kết nối tri thức với cuộc sống	
7	Âm nhạc 2	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật, Trần Thị Kim Thăng, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Kết nối tri thức với cuộc sống	
8	Mĩ thuật 2	Đoàn Thị Mỹ Hương, Đinh Gia Lê (đồng Tổng Chủ biên), Trần Thị Biển (Chủ biên), Phạm Duy Anh, Bạch Ngọc Diệp, Trần Thị Thu Trang, Bùi Quang Tuấn.	Kết nối tri thức với cuộc sống	
9	Hoạt động trải nghiệm 2	Lưu Thu Thủy, Bùi Sỹ Tụng (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh, Nguyễn Thanh Bình (đồng Chủ biên), Vũ Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Lê Thị Luận, Trần Thị Tố Oanh, Trần Thị Thu.	Kết nối tri thức với cuộc sống	
10	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Duy Quyết, Hồ Đắc Sơn (đồng Tổng Chủ biên), Lê Anh Thơ (Chủ biên), Nguyễn Thị Hà, Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Nguyễn Thành Trung, Nguyễn Duy Tuyền, Phạm Mai Vương.	Kết nối tri thức với cuộc sống	
11	Tiếng Anh 2 - SHS	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên); Trần Hương Quỳnh (Chủ biên); Phan Hà- Đỗ Thị Ngọc Hiền- Đào Ngọc Lộc- Nguyễn Minh	Global Success	

		Tuấn- Nguyễn Quốc Tuấn		
<b>- Sách giáo khoa lớp 3</b>				
<b>TT</b>	<b>Tên sách</b>	<b>Tên tác giả (Ghi tất cả tên tác giả của bộ sách)</b>	<b>Bộ sách</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Toán 3 - tập một	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên) – Lê Anh Vinh (Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	
2	Toán 3 - Tập hai	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên) – Lê Anh Vinh (Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	
3	Tiếng Việt 3 - tập một	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên) – Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	
4	Tiếng Việt 3- tập hai	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên) – Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	
5	Công nghệ 3	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	
6	Tin học 3	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	
7	Tự nhiên và Xã hội 3	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thán (Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	
8	Đạo đức 3	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên) – Trần Thành Nam (Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	
9	Mĩ thuật	Nguyễn Xuân Nghị (Tổng Chủ biên) – Trần Thị Biển – Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	
10	Âm nhạc 3	Hoàng Long - Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	
11	Hoạt động trải nghiệm 3	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên) - Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	
12	Giáo dục thể chất 3	Nguyễn Duy Quyết (Tổng chủ biên) – Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên)	Kết nối tri thức với	

			cuộc sống	
13	Tiếng Anh 3/1 - SHS	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên); Trần Hương Quỳnh (Chủ biên); Phan Hà- Đỗ Thị Ngọc Hiền- Đào Ngọc Lộc- Nguyễn Minh Tuấn- Nguyễn Quốc Tuấn	Global Success	
14	Tiếng Anh 3/2 - SHS	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên); Trần Hương Quỳnh (Chủ biên); Phan Hà- Đỗ Thị Ngọc Hiền- Đào Ngọc Lộc- Nguyễn Minh Tuấn - Nguyễn Quốc Tuấn	Global Success	

**- Sách giáo khoa lớp 4**

TT	Tên sách	Tên tác giả (Ghi tất cả tên tác giả của bộ sách)	Bộ sách	Ghi chú
1	Toán 4 - tập một	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh	Kết nối tri thức với cuộc sống	
2	Toán 4 - tập hai	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh	Kết nối tri thức với cuộc sống	
3	Tiếng Việt 4 - tập một	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan	Kết nối tri thức với cuộc sống	
4	Tiếng Việt 4 - tập hai	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hào Tâm	Kết nối tri thức với cuộc sống	
5	Công nghệ 4	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Bùi Thị Thu Hương, Đồng Huy Giới, Nguyễn Bích Thảo	Kết nối tri thức với cuộc sống	
6	Tin học 4	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đăng Cao Tùng	Kết nối tri thức với cuộc sống	
7	Khoa học 4	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Diệu Nga, Đào	Kết nối tri thức với cuộc sống	

		Thị Sen, Triệu Anh Trung		
8	Đạo đức 4	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung	Kết nối tri thức với cuộc sống	
9	Mĩ thuật 4	Đình Gia Lê (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biền, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trần Thị Thu Trang	Kết nối tri thức với cuộc sống	
10	Âm nhạc 4	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga	Kết nối tri thức với cuộc sống	
11	Hoạt động trải nghiệm 4	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh	Kết nối tri thức với cuộc sống	
12	Giáo dục thể chất 4	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thu, Phạm Mai Vương	Kết nối tri thức với cuộc sống	
13	Lịch sử và Địa lí 4	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Đoàn Thị Thanh Phương	Kết nối tri thức với cuộc sống	
14	Tiếng anh 4 - SHS tập 1	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên); Trần Hương Quỳnh (Chủ biên); Phan Hà- Đỗ Thị Ngọc Hiền- Đào Ngọc Lộc- Nguyễn Minh Tuấn- Nguyễn Quốc Tuấn	global success	
15	Tiếng anh 4 - SHS tập 2	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên); Trần Hương Quỳnh (Chủ biên); Phan Hà- Đỗ Thị Ngọc Hiền- Đào Ngọc Lộc- Nguyễn Minh Tuấn - Nguyễn Quốc Tuấn	global success	

**- Sách giáo khoa lớp 5**

TT	Tên sách	Tên tác giả (Ghi tất cả tên tác giả của bộ sách)	Bộ sách	Ghi chú
----	----------	---	---------	---------

1	Toán 5 - Tập một	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh	Kết nối tri thức với cuộc sống	
2	Toán 5 - Tập hai	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh	Kết nối tri thức với cuộc sống	
3	Tiếng Việt 5 - tập một	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phượng	Kết nối tri thức với cuộc sống	
4	Tiếng Việt 5 - tập hai	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Đặng Thị Hào Tâm	Kết nối tri thức với cuộc sống	
5	Khoa học 5	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Hà Thị Lan Hương, Nguyễn Thị Hồng Liên, Ngô Diệu Nga, Nguyễn Thị Thanh Phúc, Đào Thị Sen.	Kết nối tri thức với cuộc sống	
6	Lịch sử, Đại lý 5	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Dương Thị Oanh	Kết nối tri thức với cuộc sống	
7	Đạo đức 5	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung	Kết nối tri thức với cuộc sống	
8	Mĩ thuật 5	Đình Gia Lê (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biền, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trần Thị Thu Trang	Kết nối tri thức với cuộc sống	
9	Hoạt động trải nghiệm 5	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh	Kết nối tri thức với cuộc sống	

10	Âm nhạc 5	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga	Kết nối tri thức với cuộc sống	
11	Giáo dục thể chất 5	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng (Chủ biên), Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương	Kết nối tri thức với cuộc sống	
12	Công nghệ 5	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh	Kết nối tri thức với cuộc sống	
13	Tin học 5	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hà Đặng Cao Tùng	Kết nối tri thức với cuộc sống	
14	Tiếng anh 5- global success - SHS tập 1	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên); Trần Hương Quỳnh (Chủ biên); Phan Hà- Đỗ Thị Ngọc Hiền- Đào Ngọc Lộc- Nguyễn Minh Tuấn- Nguyễn Quốc Tuấn	Global success	
15	Tiếng anh 5- global success - SHS tập 2	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên); Trần Hương Quỳnh (Chủ biên); Phan Hà- Đỗ Thị Ngọc Hiền- Đào Ngọc Lộc- Nguyễn Minh Tuấn - Nguyễn Quốc Tuấn	Global success	

#### IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá:

Hàng năm nhà trường đều tự đánh giá kết quả chất lượng giáo dục, xây dựng kế hoạch để từng bước cải tiến chất lượng.

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm.

Trường tiếp tục được công nhận Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ II và kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 3 vào tháng 05 năm 2025

Năm học này trường tiếp tục phấn đấu hoàn thiện các tiêu chuẩn theo Thông tư 17 và Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục – Đào tạo.

#### V. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

**1. Kế hoạch tuyển sinh:** Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh năm học 2026 – 2027 và được phê duyệt của UBND phường Thành Đông.

**\* Chỉ tiêu tuyển sinh**

Số học sinh 120 học sinh; Số lớp: 04 lớp, Trung bình 30 học sinh/lớp.

**\* Độ tuổi - đối tượng tuyển sinh**

- Đối tượng ưu tiên 1: Bao gồm những học sinh trong độ tuổi quy định vào lớp 1 và cư trú (được xác định dựa vào địa chỉ đăng ký thường trú, tạm trú) tại địa bàn phường.

- Đối tượng ưu tiên 2: Là các trường hợp còn lại không thuộc đối tượng 1.

Thứ tự ưu tiên bao gồm:

+ Học sinh khuyết tật; trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, lang thang cơ nhỡ, trẻ trong độ tuổi tiểu học chưa ra lớp).

+ Học sinh thuộc gia đình chính sách;

+ Học sinh có cha hoặc mẹ làm việc tại các cơ quan, khu công nghiệp, doanh nghiệp trên địa bàn phường Thành Đông;

+ Học sinh cư trú tại các khu vực giáp ranh giữa các xã/phường;

+ Học sinh chuyển từ tỉnh, thành khác đến sau thời điểm đăng ký.

- Không nhận học sinh thiếu tuổi.

**\* Địa bàn tuyển sinh**

- Tuyển sinh tất cả trẻ em thuộc đối tượng trên sinh sống tại phường Thành Đông và giáp ranh giữa phường Thành Đông với các phường, xã khác.

**\* Phương thức, hình thức tuyển sinh**

- Phương thức: xét tuyển.

- Hình thức: PHHS đăng kí tuyển sinh trực tuyến trên cổng thông tin tuyển sinh đầu cấp <https://tuyensinhdaucap.haiphong.edu.vn/>

**\* Thực hiện tuyển sinh theo lịch công tác như sau:**

+ Từ ngày 16/6/2026, công khai kế hoạch tuyển sinh của trường tại bảng tin nhà trường và các Fanpage: Trường Tiểu học Cẩm Thượng; Phường Thành Đông; UBMTTQ phường, Công an phường, Hội Nông dân phường.

- Ngày 04/5/2026: Họp Ban chỉ uỷ, Ban Giám hiệu; Ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh; Xây dựng Kế hoạch tuyển sinh.

- Ngày 06/5/2026: Tham gia tập huấn công tác tuyển sinh (do Sở GDĐT Hải Phòng tổ chức).

- Ngày 12/5/2026: Nộp Kế hoạch tuyển sinh lớp Một, năm học 2026 - 2027 về Phòng Văn hóa - Xã hội phường Thành Đông.

- Tháng 6/2026:

+ Tổ chức họp Hội đồng tuyển sinh lớp Một triển khai kế hoạch tuyển sinh.

+ Phối hợp với địa phương công khai, tuyên truyền Kế hoạch tuyển sinh.

+ Chuẩn bị toàn bộ Hồ sơ, cơ sở vật chất phục vụ tuyển sinh.

+ Thực hiện chia lớp (chờ hướng dẫn chi đạo của cấp trên). Trường công khai số lượng học sinh và danh sách học sinh trúng tuyển năm học 2026 - 2027 và tập trung học sinh nhận lớp theo chỉ đạo của cấp trên.

- + Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục
- + Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh.
- + Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục.

## 2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2025-2026

### a) Bảng tổng hợp sĩ số năm học 2025 – 2026.

Khối	Số lớp	Số học sinh	Bình quân HS/lớp	Số học sinh học 2 buổi/ngày	HS KT
Khối 1	4	120	30	120	0
Khối 2	4	130	32,5	130	1
Khối 3	5	147	29,4	147	1
Khối 4	4	119	29,8	119	1
Khối 5	5	152	30,4	152	2
Tổng	22	668	31.7	668	5

### b. Thống kê kết quả đánh giá học sinh:

#### 1. Năng lực cốt lõi

	1.1. Năng lực chung:									1.2. Năng lực đặc thù:														
	Tự chủ & tự học			Giao tiếp & hợp tác			Giải quyết VĐ & sáng tạo			Ngôn ngữ			Tinh toán			Thẩm mĩ			Khoa học			Thể chất		
	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C
K1	102	18	0	104	16	0	103	17	0	105	15	0	116	4	0	101	19	0	101	19	0	101	19	0
K2	107	21	2	113	16	1	107	21	2	117	11	2	119	10	1	110	20	0	110	20	0	111	19	0
K3	126	21	0	126	21	0	113	34	0	133	14	0	139	8	0	118	29	0	123	24	0	120	27	0
K4	100	19	0	108	11	0	100	19	0	109	10	0	110	9	0	102	17	0	114	5	0	100	19	0
K5	133	19	0	148	4	0	142	10	0	148	4	0	143	9	0	125	27	0	150	2	0	125	27	0

	C.nghệ			Tin học		
	T	Đ	C	T	Đ	C
K3	131	16	0	125	22	0
K4	114	5	0	102	17	0
K5	147	5	0	142	10	0

#### 2. Phẩm chất chủ yếu

	Yêu nước			Nhân ái			Chăm chỉ			Trung thực			Trách nhiệm		
	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C
K1	120	0	0	120	0	0	100	20	0	109	11	0	102	18	0

K2	130	0	0	130	0	0	107	21	2	119	11	0	112	16	2
K3	147	0	0	147	0	0	120	27	0	128	19	0	126	21	0
K4	119	0	0	119	0	0	100	19	0	111	8	0	100	19	0
K5	152	0	0	152	0	0	135	17	0	151	1	0	146	6	0

Số HS chia theo kết quả học tập		Tổng		Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5	
		Toán	T.Việt	Toán	T.Việt	Toán	T.Việt	Toán	T.Việt	Toán	T.Việt	Toán	T.Việt
1	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	627	612	116	105	119	117	139	133	110	109	143	148
		93,86	91,7	96,7	87,5	91,5	90	94,6	90,5	92,4	91,6	94,1	97,4
2	Hoàn thành (HT trở lên) (tỷ lệ so với tổng số)	39	54	4	15	9	11	8	14	9	10	9	4
		5,84	8,0	3,3	12,5	6,9	8,5	5,4	9,5	7,6	8,4	5,9	2,6
3	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	2	2	0	0	2	2	0	0	0	0	0	0
		0,3	0,3	0	0	1,6	1,5	0	0	0	0	0	0

### Tổng hợp kết quả cuối năm

1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	666 99,7%	120 100%	128 98,5%	147 100%	119 100%	152 100%
a	HS được khen thưởng cấp trường	532 79,6%	99 82,5%	107 82,3%	109 74,1%	98 82,3%	119 78,2%
b	HS được cấp trên khen thưởng	27 4%	3 2,5%	1 0,7%	10 6,8%	7 5,9%	6 3,9%
2	Ở lại lớp	2 0,3%	0	2 0,5%	0	0	0

### c. Học sinh hoàn thành chương trình tiểu học:

- Tổng số học sinh hoàn thành chương trình tiểu học: 152/152

- Tổng số học sinh được cấp giấy chứng nhận HTCTTH: 152 /152

- Số học sinh đi học THCS: 152/152 học sinh: Trong đó học các trường

CLC: 09; Số học sinh đi học các trường THCS khác: 143.

## VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

### 1. Công khai chi tiết tài chính năm 2025

\* Nguồn ngân sách:

Số TT	Nội dung	ĐVT: đồng Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi, tiền học phí	0
I	Dự toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	-
1	Số thu phí, lệ phí	-
a	Học phí	

b	Thu từ cấp bù học phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-
a	Chi lương	-
b	Chi hoạt động	-
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	7.866.283.456
I	Nguồn ngân sách trong nước	7.866.283.456
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	7.866.283.456
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7.254.130.700
3.11	Quỹ tiền lương	6.777.731.105
3.12	Chi hoạt động	476.399.595
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	612.152.756
3.2.1	Kinh phí sửa chữa, bảo dưỡng, mua sắm bổ sung cơ sở vật chất	
3.2.2	Chi phí học tập	
3.2.3	Học sinh khuyết tật	
3.2.4	Giáo viên dạy học sinh khuyết tật	49.981.756
3.2.5	Chế độ của ND 76/2019/NĐ-CP	
3.2.6	Kinh phí cải cách tiền lương	
3.2.7	Các chế độ khác	558.676.576
3.2.8	Chi khác	3.494.424

## 2. Công khai các khoản thu năm học 2025 – 2026.

### 2.1. Khoản thu theo quy định

\* BHYT (bắt buộc): 52.650 đồng/tháng/HS

- HS lớp 1: hoàn thành trước ngày 15/9/2026

- HS từ lớp 2 đến lớp 5 hoàn thành trong tháng 11/2025

- Chi: Nộp về BHXH Thành phố Hải Phòng

### 2.2. Khoản thu tự nguyện, thỏa thuận

\* Lao công

- Thu Kỳ I: 24.000đồng/tháng/HS

- Thu: 24.000đồng x 4 tháng = 96.000đồng

- Chi: Chi trả tiền công cho 02 lao công dọn vệ sinh toàn bộ các khu vực trong nhà trường (các phòng làm việc, phòng lớp học, nhà vệ sinh, sân trường...) (mức tiền công: 6.500.000đ/tháng/người) và chi mua sắm dụng cụ, xà phòng, nước rửa tay, dung dịch tẩy rửa, giấy vệ sinh... phục vụ công tác vệ sinh trường lớp.

- Thu Kỳ II: Không thu

\* Nước uống (Kỳ II – 2025 -2026 )

- Thu: 8.000 đồng/tháng/HS.

- Thu: 8.000đồng x 5 tháng = 40.000đồng

- Chi: Trả tiền mua nước uống đóng bình theo nghiệm thu số lượng thực tế.

\* Bảo hiểm thân thể

- Thu: 200.000đ/HS/năm

- Chi: Nộp về công ty Bảo Việt Hải Dương

\* Tiền điện sử dụng điều hòa

- Thu và chi trả theo số điện thực tế trên công tơ của lớp chốt vào cuối tháng, cuối kỳ.

**\* Tiền học Tiếng Anh nước ngoài (đối với HS đăng ký học)**

- Thu 40.000 đồng/tiết/HS và học 1 tiết/tuần

- Chi: Nộp về Công ty CPGD&ĐT Global: 100%

- Số tiền Công ty trích về nhà trường là 10% Nhà trường thực hiện nghĩa vụ với nhà nước (TTNDN): 2% x tổng số tiền trích 10%, số thu còn lại thực hiện chi: (quy đổi ra 100%). Trong đó:

+ Chi công tác quản lý: 82%

+ Chi cơ sở vật chất : 18% (Điện, nước mua sắm bổ sung, sửa chữa cơ sở vật chất nhỏ phục vụ cho việc dạy và học trong nhà trường).

**\* Tiền học Kỹ năng sống (đối với HS khối 1, 2, 3,4,5 đăng ký học)**

- Thu: 12.000đ/tiết/HS và học 1 tiết/tuần

- Chi: Nộp về CTTNHH và ĐT KNS VietSun: 100%

\* Số tiền Công ty trích về nhà trường là 20%. Nhà trường thực hiện nghĩa vụ với nhà nước (TTNDN): 2% x tổng số tiền trích 20%, số thu còn lại thực hiện chi: (quy đổi ra 100%). Trong đó:

+ Chi công tác quản lý: 82%

+ Chi cơ sở vật chất : 18% (Điện, nước mua sắm bổ sung, sửa chữa cơ sở vật chất nhỏ phục vụ cho việc dạy và học trong nhà trường).

**\* Hỗ trợ giáo dục học 2 buổi/ ngày (Kỳ II – Năm học 2025 -2026)**

- Thu Kỳ II: 30.000đồng/tháng/HS

- Chi: Chi trả tiền (Điện, nước mua sắm bổ sung, sửa chữa cơ sở vật chất phục vụ cho việc dạy và học trong nhà trường).

**\* Quỹ Hội Cha mẹ học sinh của trường**

- Thu: được trích từ quỹ Hội CMHS của các lớp (do Cha mẹ HS các lớp bàn bạc, thống nhất, ủng hộ, đóng góp tự nguyện).

- Chi: Theo quy định của Thông tư 55 ban hành Điều lệ Ban đại diện Cha mẹ học sinh và Quy chế hoạt động của Ban đại diện Cha mẹ HS nhà trường.

**\* Bán trú**

- Thu mua sắm CSVC: 200.000đồng/em (đối với những em mới đăng ký ăn để sử dụng trong cả thời gian ăn bán trú tại trường Tiểu học).

- Chi: Bổ sung CSVC, chăn, gối, khăn mặt ... cho HS.

- Thu tiền ăn hằng tháng: Từ tháng 9 năm 2025 đến hết tháng 05 năm 2026

(Tiền mỗi ngày ăn gồm 1 bữa chính và 1 bữa phụ. Học sinh nghỉ ốm hoặc nghỉ vì lý do khác sẽ được trả lại tiền bữa ăn đó nếu phụ huynh báo nghỉ cho GVCN trước 17h00' ngày hôm trước).

- Tiền nuôi dưỡng, phục vụ (chỉ cho công tác quản lý, tiền công cho nhân viên cấp dưỡng, người trông trưa,...): 185.000đ/tháng/HS.

- Phụ phí: Chi tiền mua chất tẩy rửa, chất đốt, điện, nước phục vụ bán trú, giặt chăn, gối...: 55.000đ/tháng/HS.

**\* Số tiền ăn bán trú từ khối 1 đến khối 5: 746.000 đồng/HS/ tháng.**

(Tiền mỗi ngày ăn gồm 1 bữa chính và 1 bữa phụ. Học sinh nghỉ ốm hoặc nghỉ vì lý do khác sẽ được trả lại tiền bữa ăn đó nếu phụ huynh báo nghỉ cho GVCN trước 17h00' ngày hôm trước).

- Tiền nuôi dưỡng, phục vụ (chi cho công tác quản lý, tiền công cho nhân viên cấp dưỡng, người trông trưa,...): 185.000đ/tháng/HS.

- Phụ phí: Chi tiền mua chất tẩy rửa, chất đốt, điện, nước phục vụ bán trú, giặt chăn, gối...: 55.000đ/tháng/HS

- Năm học 2025 -2026 nhà trường vẫn tiếp tục ký hợp đồng mua suất ăn bán trú của Công ty CPTP và chế biến suất ăn Cường Thịnh. Nhà trường thu tiền ăn bán trú của học sinh và chuyển trả cho Công ty tiền suất ăn, cấp dưỡng, phụ phí (trích lại điện, nước sinh hoạt..) còn lại nhà trường chi tiền chăm sóc quản lý, trông trưa

...

**\* Các khoản chi kỳ I năm học 2025 -2026.**

Nội dung	Thu	Chi	Tồn
Lao công - vệ sinh	64.416.000	64.416.000	0
-Học TA với người nước ngoài	162.560.000	162.560.000	0
- Cty Trích lại 10% chi QLCSVC(TANN)	16.256.000	13.388.442	2.867.558
- Học Kỹ năng sống	97.848.000	97.848.000	0
- Cty Trích lại 20% chi QLCSVC(KNS)	19.569.600	16.117.523	3.452.077
Điện sử dụng điều hòa (05/9/2025 đến 18/12/2025)	19.690.000	5.643.631	14.046.369
BHYT	411.091.200	411.091.200	0
BHTT	124.300.000	124.300.000	0
CSVCBT	24.800.000	21.289.400	3.510.600
Bán trú năm học 2025 – 2026 thu – chi từ T9 đến T12/2025. (ST dư là tiền trả lại hs tiền ăn nghỉ).	1.517.823.000	1.515.707.000	2.116.000
Quỹ CMHS	71.000.000	70.380.000	620.000

(Chi tiết theo bảng Quyết toán Quỹ dân góp kì I – Năm học 2025 – 2026).

**\* Các khoản chi kỳ II năm học 2025 - 2026.**

Nội dung	Dư Kì I	Thu Kì II	Chi kì II	Tồn
				0
Nước uống	0	26.720.000	26.720.000	0
Điện sử dụng điều hòa	14.046.369	20.132.000	8.837.257	25.341.612
Học TANN		384.560.000	384.560.000	0
- Cty Trích lại 10% chi QLCSVC(TANN)	2.687.558	38.456.000	32.578.475	8.745.083
Học Kỹ năng sống		125.352.000	125.352.000	0
- Cty Trích lại 20% chi	3.452.077	25.070.400	28.522.477	0

QLCSVC(KNS)				
Hỗ trợ HDGD học 2B/ngày kỳ II -225 -2026	0	99.390.000	43.034.147	56.355.853
Bán trú 2025 -2026 Kỳ 2-25-26	2.116.000	1.737.390.000	1.739.506.000	0
Quỹ CMHS	620.000	96.350.000	96.970.000	0

(Chi tiết theo bảng Quyết toán Quỹ dân góp kì II – Năm học 2025 - 2026)

### 3. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2025-2026

Nội dung	Số học sinh	Số tiền	Ghi chú
<i>Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập: Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ; Nghị quyết số 75/2021/NQ-HĐND</i>			
Học kỳ 1 năm học 2025-2026	7	3.750.000	Phòng VHXH chi
Học kỳ 2 năm học 2025-2026	5	4.050.000	
<i>Đối tượng được hỗ trợ học bổng và phương tiện đồ dùng dạy học: Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT- BGDDTBLĐTBXH</i>			
<b>Hỗ trợ học bổng</b>			
Học kỳ 1 năm học 2025-2026	1	7.488.000	Phòng VHXH chi
Học kỳ 2 năm học 2025-2026	0	0	
<b>Hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập</b>			
Học kỳ 1 năm học 2025-2026	1	444.000	Phòng VHXH chi
Học kỳ 2 năm học 2025-2026	0	0	

### 4. Công khai số dư quỹ tiền mặt và tiền gửi tại kho bạc ngày 31/12/2025

STT	Nội dung	ĐVT (Đồng)	Số tiền	Ghi chú
1	Số dư quỹ tiền mặt		0	
2	Số dư tiền gửi kho bạc		82.566.535	
3	Số dư tiền gửi NH		24.194.839	

### 5. Công khai quyết toán thuế TNCN năm 2025

STT	Nội dung	ĐVT	Số người/Số tiền	Ghi chú
I	Tổng số lao động tại đơn vị	Người	34	
II	Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân	Đồng	6.268.447.527	
III	Các khoản giảm trừ			
1	Số lượng NPT tính giảm trừ	Người	37	
2	Tổng số tiền giảm trừ gia cảnh	Đồng	6.705.600.000	
3	Từ thiện, nhân đạo, khuyến học			
4	Bảo hiểm được trừ	Đồng	468.169.859	
IV	Thu nhập tính thuế	Đồng	383.235.619	

### VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Năm học 2025 - 2026, trường Tiểu học Cẩm Thượng hoàn thành tốt các nhiệm vụ, được UBND phường Thành Đông tặng danh hiệu Tập thể LĐTT, 6 viên chức được đánh giá HTSXNV, 5 CBGV được tặng Danh hiệu CSTĐCS... tạo tiền đề để nhà trường phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học 2026-2027.

**Nơi nhận:**

- Phòng VH-XH (để b/cáo);
- Chi bộ, HĐSP ;
- Website của trường (công khai);
- Lưu: VT.

**TM NHÀ TRƯỜNG**



**HIỆU TRƯỞNG**  
*Hàn Chi Ngọc Mỹ*